

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 45

202
CÔNG
CH NH
M TOÁN
VIỆ
TƯ GI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Thanh Sơn	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Ông Nguyễn Tiến Vượng	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Ông Ngô Đức Long	Thành viên
Ông Chu Việt Cường	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
Bà Lương Thị Khánh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Bà Hà Chi	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Ông Phạm Tuấn Linh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/06/2019)

Ban Giám đốc

Ông Ngô Đức Long	Giám đốc
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/8/2019)
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI



Ngô Đức Long

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CHỖ
CH
P. H



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: *131* -20/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày *18* tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội, (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020 từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2019, Báo cáo tài chính của Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua (là công ty con do Công ty nắm giữ 53% cổ phần phổ thông) phản ánh số lỗ lũy kế là 19.127.050.995 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 19.002.564.935 đồng). Báo cáo tài chính của Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Một số khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán trên 03 năm với tổng giá trị nợ gốc và lãi dự thu tương ứng tại thời điểm 31/12/2019 là 20.255.849.010 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 18.874.425.397 đồng), một số khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2019 là 2.010.707.738 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 1.851.257.293 đồng) đã quá hạn thanh toán trên 03 năm và một số khoản trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2019 là 708.394.037 đồng đã tồn đọng qua nhiều kỳ kế toán chưa được Công ty đánh giá khả năng thu hồi. Lãi dự thu của khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nêu trên được tính và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với giá trị là 1.381.423.613 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ nêu trên cũng như cũng không thể đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của các công ty liên kết và các đơn vị khác nhận vốn góp đầu tư là Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm, Công ty CP Âm thực Hà Nội, Công ty CP Thủy sản Kiên Giang và Công ty CP Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty này (nếu có). Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể đánh giá giá trị của khoản đầu tư nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư nêu trên hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 tại ngày 14/03/2019.



Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.769.073.017	50.044.910.772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.178.229.450	3.206.964.192
1. Tiền	111	V.1.	3.178.229.450	3.206.964.192
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.423.361.061	33.778.289.712
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	3.877.351.399	5.280.495.528
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.566.584.642	4.830.411.162
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	13.100.000.000	13.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	14.054.425.020	10.742.383.022
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(175.000.000)	(175.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		13.132.595.028	13.059.656.868
1. Hàng tồn kho	141	V.8.	13.132.595.028	13.059.656.868
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.887.478	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.887.478	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		130.722.815.184	129.868.725.062
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.219.959	68.943.588
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	12.219.959	68.943.588
II. Tài sản cố định	220		53.998.952.884	59.027.707.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	53.981.720.884	59.001.075.856
- Nguyên giá	222		112.876.488.314	112.691.688.314
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.894.767.430)	(53.690.612.458)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	17.232.000	26.632.000
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(209.768.000)	(200.368.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.721.167.194	16.779.466.393
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	23.721.167.194	16.779.466.393
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	50.539.482.255	50.679.482.255
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.466.433.001	31.466.433.001
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.900.000.000	18.040.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.173.049.254	1.173.049.254
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.450.992.892	3.313.124.970
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	2.450.992.892	3.313.124.970
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		182.491.888.201	179.913.635.834

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.776.191.035	30.787.777.795
I. Nợ ngắn hạn	310		24.677.632.406	21.026.971.230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	7.926.278.034	7.865.251.948
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	242.278.974	59.583.554
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	1.021.531.764	1.252.743.111
4. Phải trả người lao động	314		1.136.531.809	1.031.691.644
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	88.901.584	93.888.781
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	1.602.789.640	626.136.365
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.	1.106.913.264	1.179.835.544
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.	11.438.330.998	8.618.992.694
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		114.076.339	298.847.589
II. Nợ dài hạn	330		6.098.558.629	9.760.806.565
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17.	447.002.895	2.263.809.447
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19.	1.768.700.000	1.416.050.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.	3.882.855.734	6.080.947.118
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.715.697.166	149.125.858.039
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20.	151.715.697.166	149.125.858.039
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		540.000.000	540.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.890.405.310	3.300.566.183
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.300.566.183	(358.178.305)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.589.839.127	3.658.744.488
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		182.491.888.201	179.913.635.834

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

[Signature]

[Signature]

[Signature]

Phùng Thị Thúy

Nguyễn Kim Huyền

Ngô Đức Long



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	163.358.385.840	189.939.463.423
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	12.770.038	160.706.467
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		163.345.615.802	189.778.756.956
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	126.563.956.194	152.479.465.892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36.781.659.608	37.299.291.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	1.454.318.176	2.514.778.549
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	974.921.259	1.356.729.745
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		891.802.937	1.251.125.443
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	15.457.401.577	16.720.246.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	19.185.129.719	18.528.783.795
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.618.525.229	3.208.309.455
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	690.941.033	1.456.534.189
12. Chi phí khác	32	VI.7.	37.333.879	292.353.878
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		653.607.154	1.164.180.311
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.272.132.383	4.372.489.766
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	682.293.256	713.745.278
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.589.839.127	3.658.744.488

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Phùng Thị Thúy

Nguyễn Kim Huyền

Ngô Đức Long

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		172.400.415.544	166.184.317.040
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(152.617.553.442)	(146.218.357.845)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.439.284.924)	(10.576.142.567)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(891.802.937)	(1.251.125.443)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(871.940.883)	(215.365.574)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.726.607.543	18.912.239.460
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.158.374.000)	(13.808.044.514)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.148.066.901	13.027.520.557
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.853.318.189)	(3.712.969.321)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	325.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		55.269.626	1.128.629.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.798.048.563)	(2.259.340.096)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		34.037.523.137	109.928.291.108
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.416.276.217)	(120.522.569.798)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.168.375.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		621.246.920	(12.762.653.790)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(28.734.742)	(1.994.473.329)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.206.964.192	5.201.288.235
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	149.286
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	3.178.229.450	3.206.964.192

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thị Thúy

Nguyễn Kim Huyền

Ngô Đức Long

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106803 thay đổi lần thứ 14 ngày 08/12/2015 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **145.000.000.000 VND** (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là HAF.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, sản xuất, kinh doanh thương mại thực phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bao gồm thuốc lá ngoại);

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn Bán lẻ đồ uống không chứa cồn;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc) Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH:

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp**a) Danh sách các công ty con, công ty liên kết****a1) Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp**

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	Số 19, phố Hàng Khoai, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) - Đầu tư, xây dựng kỹ thuật hạ tầng trung tâm thương mại; - Quản lý, vận hành khu trung tâm thương mại, văn phòng, kho hàng, gara ô tô;....	53%	53%
2. Công ty CP Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	- Kinh doanh dịch vụ siêu thị, nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh công nghệ hàng điện tử; Buôn bán máy móc, đồ dùng cho gia đình...	51%	51%

a2) Danh sách các công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc, gia cầm	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lê Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau, buôn bán thực phẩm, cung cấp dịch vụ thuê kho bãi và trông giữ hàng hóa...	37,04%	37,04%
2. Công ty CP Âm thực Hà Nội	Số 21 Trần Khánh Dư, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất dầu mỡ, động thực vật; sản xuất tinh bột và các sản phẩm về tinh bột...	27,59%	27,59%

b) Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

- Trung tâm Thương mại Vân Hồ
- Trung tâm Kinh doanh bán buôn
- Cửa hàng Thực phẩm Hàng Da
- Chuỗi cửa hàng tiện ích Hapro

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc báo cáo này cùng báo cáo tài chính hợp nhất để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của các công ty liên kết và các đơn vị khác là Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm, Công ty CP Ẩm thực Hà Nội, Công ty CP Thủy sản Kiên Giang và Công ty CP Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty này.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT- BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT- BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí thuê nhà thầu thi công, chi phí lãi vay và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 01 đến 03 năm.

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu trên Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 373/2014/BCTĐG-CIMEICO tại ngày 06/10/2014 của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Hà Nội (tại thời điểm 30/6/2014). Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí điện, nước và các chi phí phải trả khác, là chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản không bao gồm tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, doanh thu cho thuê tài sản hoạt động, doanh thu tiền lãi và cổ tức lợi nhuận được chia.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm,...

19. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.059.256.209	2.125.922.310
Tiền gửi ngân hàng	2.118.973.241	1.081.041.882
Cộng	3.178.229.450	3.206.964.192

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào công ty con	31.466.433.001	-	31.466.433.001	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	10.600.000.000	-	10.600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	20.866.433.001	-	20.866.433.001	-

Đơn vị tính: VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đầu tư vào công ty liên kết	17.900.000.000	-	18.040.000.000	-
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc, gia cầm	17.500.000.000	-	17.500.000.000	-
Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	-	-	140.000.000	-
Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	400.000.000	-	400.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.173.049.254	-	1.173.049.254	-
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty CP Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội	1.073.049.254	-	1.073.049.254	-
Cộng	50.539.482.255	-	50.679.482.255	-

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 do không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 05/6/2019.

Các công ty con và công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong năm.

Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua: Công ty cung cấp dịch vụ đối với Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua

Công ty CP Ẩm thực Hà Nội: Công ty cho Công ty CP Ẩm thực Hà Nội thuê địa điểm kinh doanh.

Công ty CP Thương mại Lãng Yên: Công ty CP Thương mại Lãng Yên cho Công ty thuê địa điểm kinh doanh.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752	-	842.670.752	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Cổ Phần Bibomart TM	251.054.158	-	348.075.305	-
Công ty Cổ phần Kids Plaza	662.552.581	-	721.816.026	-
Các đối tượng khác	2.121.073.908	-	3.367.933.445	-
Cộng	3.877.351.399	-	5.280.495.528	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phú Thanh Bình	2.625.296.890	2.591.296.890
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	314.296.724	314.296.724
Chi nhánh Miền Bắc tại Hưng Yên- Công ty CP Dầu thực vật Tường An	569.054.693	784.964.553
Các đối tượng khác	1.057.936.335	1.139.852.995
Cộng	4.566.584.642	4.830.411.162

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua (1)	8.600.000.000	-	8.600.000.000	-
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm (2)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội (3)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	13.100.000.000	-	13.100.000.000	-

(1) Phải thu về cho vay với Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua theo các hợp đồng sau:

- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 127C/HĐTD/BQ-TP ngày 30/08/2013, số tiền cho vay gốc là: 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay cố định: 12%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay, Phụ lục hợp đồng số 04-127C/PLHĐTD/BQ-TP ngày 07/12/2012 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 164/HĐTD/BQ-TP ngày 07/12/2013, số tiền cho vay gốc là: 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay cố định: 12%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay, Phụ lục hợp đồng số 04-164/PLHĐTD ngày 29/6/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 32/HĐTD ngày 26/05/2014, số tiền cho vay gốc là: 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 12%/năm, lãi cho vay nhận hàng tháng, Phụ lục hợp đồng số 04-32/PLHĐTD ngày 29/6/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 58/HĐTD ngày 23/09/2014, số tiền cho vay gốc là: 300.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 10%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay, Phụ lục hợp đồng số 02-58/PLHĐTD ngày 29/6/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 63/HĐTD ngày 27/12/2014, số tiền cho vay gốc là: 900.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 10%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay, Phụ lục hợp đồng số 02-63/PLHĐTD ngày 29/6/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 08/HĐTD/BQ-TP ngày 11/02/2015, số tiền cho vay gốc là: 6.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định: 9%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay.

(2) Phải thu về cho vay với Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm theo các hợp đồng sau:

- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 07/12/2012, số tiền cho vay gốc là: 2.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 15%/năm, lãi cho vay nhận hàng tháng, Phụ lục hợp đồng số 07-17/PLHĐTD ngày 07/12/2012 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 30/6/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/8/2014, số tiền cho vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định: 10%/năm, lãi cho vay được trả theo yêu cầu bên cho

(3) Khoản cho vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/09/2013, số tiền cho vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 3 tháng, lãi suất cho vay cố định: 13%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được tính trên số tiền chậm trả, Phụ lục số 04-60PLHĐTD ngày 01/01/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến hạn ngày 31/12/2015.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

6. Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	14.054.425.020	(175.000.000)	10.742.383.022	(175.000.000)
Phải thu khác	11.127.324.661	(175.000.000)	9.097.068.410	(175.000.000)
Lãi cho vay phải thu	3.953.350.009	-	3.142.238.896	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua				
Lãi cho vay phải thu	2.784.944.446	-	2.305.881.946	-
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm				

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lãi cho vay phải thu Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội	417.554.555	-	326.304.555	-
Nguyễn Quốc Hùng (*)	2.185.984.415	-	2.209.984.415	-
Tiền thuê đất số 55 Mã Mây (**)	1.322.237.026	-	841.423.562	-
Các đối tượng khác	463.254.210	(175.000.000)	271.235.036	(175.000.000)
Tạm ứng	2.927.100.359	-	1.645.314.612	-
b) Dài hạn	12.219.959	-	68.943.588	-
Ký cược, ký quỹ	12.219.959	-	68.943.588	-
Cộng	14.066.644.979	(175.000.000)	10.811.326.610	(175.000.000)

(*) Khoản phải thu Ông Nguyễn Quốc Hùng về tài sản thiếu hụt của Trung tâm Kinh doanh thực phẩm tổng hợp sau khi chấm dứt hoạt động mà Ông Nguyễn Quốc Hùng phải chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả cho Công ty theo Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 của Công ty CP Thực phẩm Hà Nội.

(**) Khoản phải thu về tiền thuê đất tại địa chỉ số 55, Mã Mây, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội do có tranh chấp giữa Công ty và đối tượng thuê tài sản.

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

7. Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khác				
Hợp tác xã Sông Công	175.000.000	-	175.000.000	-
Cộng	175.000.000	-	175.000.000	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.600.500	-	20.839.000	-
Công cụ, dụng cụ	36.347.262	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Hàng hóa	13.086.647.266	-	13.038.817.868	-
Cộng	13.132.595.028	-	13.059.656.868	-

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Dự án "Đầu tư xây dựng Khu nhà ở" tại địa chỉ số 54 ngõ 459 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án "Cửa hàng Thương mại dịch vụ Đồng Xuân" tại địa chỉ 26 Cao Thắng, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội (*)	20.377.877.014	13.436.176.213
Dự án "Trung tâm thương mại và Dịch vụ Cừu Long" tại địa chỉ số 253 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.068.594.048	2.068.594.048
Các công trình khác	35.426.151	35.426.151
Cộng	23.721.167.194	16.779.466.393

(*) Dự án "Cửa hàng Thương mại dịch vụ Đồng Xuân" tại địa chỉ 26 Cao Thắng, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội là tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng số 160LAV201700266 ký ngày 23/11/2017 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà.

10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2019	227.000.000	227.000.000
Số dư ngày 31/12/2019	227.000.000	227.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2019	200.368.000	200.368.000
Khấu hao trong năm	9.400.000	9.400.000
Số dư ngày 31/12/2019	209.768.000	209.768.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019	26.632.000	26.632.000
Tại ngày 31/12/2019	17.232.000	17.232.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Mẫu số B 09 - DN

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2019	100.583.054.541	6.357.143.794	3.463.631.843	2.287.858.136	112.691.688.314
Mua trong năm	-	184.800.000	-	-	184.800.000
Số dư ngày 31/12/2019	100.583.054.541	6.541.943.794	3.463.631.843	2.287.858.136	112.876.488.314
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2019	43.507.966.872	5.066.736.332	3.114.182.817	2.001.726.437	53.690.612.458
Khấu hao trong năm	4.691.673.503	314.608.051	108.261.532	89.611.886	5.204.154.972
Số dư ngày 31/12/2019	48.199.640.375	5.381.344.383	3.222.444.349	2.091.338.323	58.894.767.430
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	57.075.087.669	1.290.407.462	349.449.026	286.131.699	59.001.075.856
Tại ngày 31/12/2019	52.383.414.166	1.160.599.411	241.187.494	196.519.813	53.981.720.884

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.363.987.342 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8.242.629.726 VND)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 46.395.552 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>		
Lợi thế kinh doanh	551.299.996	654.668.752
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.899.692.896	2.658.456.218
Cộng	2.450.992.892	3.313.124.970

13. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	583.610.000	583.610.000	583.610.000	583.610.000
Công ty TNHH Lock&Lock HN	580.620.391	580.620.391	787.846.954	787.846.954
Các đối tượng khác	6.762.047.643	6.762.047.643	6.493.794.994	6.493.794.994
Cộng	7.926.278.034	7.926.278.034	7.865.251.948	7.865.251.948

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH 3M Việt Nam	10.269.833	14.691.115
Công ty TNHH Medtronic Việt Nam	5.136.328	6.627.763
Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại tổng hợp Vincommerce	-	8.623.855
Chi nhánh Công ty TNHH MM MeGa Market	-	9.530.871
Công ty TNHH Asahi Intecc Hà Nội	156.928.000	-
Trương Thúy Hằng	50.536.753	-
Các đối tượng khác	19.408.060	20.109.950
Cộng	242.278.974	59.583.554

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2019
Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	20.500.649	3.022.299.083	3.042.799.732	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.635.091	682.293.256	871.940.883	160.987.464
Thuế thu nhập cá nhân	14.063.711	106.377.712	111.069.565	9.371.858
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	333.098.263	7.746.426.711	7.590.425.633	489.099.341
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	534.445.397	34.029.879	206.402.175	362.073.101
Cộng	1.252.743.111	11.591.426.641	11.822.637.988	1.021.531.764

16. Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Chi phí tiền điện tiền nước phải trả	88.901.584	93.888.781
Cộng	88.901.584	93.888.781

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.602.789.640	626.136.365
	1.602.789.640	626.136.365
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	447.002.895	2.263.809.447
	447.002.895	2.263.809.447
Cộng	2.049.792.535	2.889.945.812

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN

18. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2019		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
Vay cá nhân						
Phạm Thị Thanh Hiền (1)	11.438.330.998	11.438.330.998	35.136.568.829	32.317.230.525	8.618.992.694	8.618.992.694
Hoàng Thị Tám	310.000.000	310.000.000	-	50.000.000	360.000.000	360.000.000
	310.000.000	310.000.000	-	-	310.000.000	310.000.000
	-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội (3)	10.029.285.306	10.029.285.306	34.037.523.137	32.267.230.525	8.258.992.694	8.258.992.694
	6.789.273.554	6.789.273.554	12.369.014.401	10.647.154.759	5.067.413.912	5.067.413.912
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (5)	1.928.211.753	1.928.211.753	16.152.441.727	15.374.199.454	1.149.969.480	1.149.969.480
Ngân hàng TNHH Indovina (7)	1.311.799.999	1.311.799.999	5.516.067.009	6.245.876.312	2.041.609.302	2.041.609.302
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội (4)	1.099.045.692	1.099.045.692	1.099.045.692	-	-	-
	152.400.000	152.400.000	152.400.000	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà (6)	946.645.692	946.645.692	946.645.692	-	-	-
b) Dài hạn						
Vay cá nhân						
Phạm Thị Thanh Hiền (2)	3.882.855.734	3.882.855.734	-	2.198.091.384	6.080.947.118	6.080.947.118
	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN

Vay ngân hàng	2.882.855.734	2.882.855.734	-	2.198.091.384	5.080.947.118	5.080.947.118
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội (4)	42.918.668	42.918.668	-	304.800.000	347.718.668	347.718.668
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà (6)	2.839.937.066	2.839.937.066	-	1.893.291.384	4.733.228.450	4.733.228.450
Cộng	15.321.186.732	15.321.186.732	35.136.568.829	34.515.321.909	14.699.939.812	14.699.939.812

+ Vay Bà Phạm Thị Thanh Hiền theo các hợp đồng tín dụng sau:

- (1) Khoản vay theo Hợp số 014-14/HĐTG -TPHN ngày 06/10/2014, số tiền vay là 170.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/năm, thời hạn vay 3 tháng, gốc tự động tái tục. Khoản vay theo hợp đồng số 001-16/HĐTG-TPHN ngày 29/8/2016 số tiền vay là 140.000.000 đồng lãi suất vay là 7,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng, gốc tự động tái tục.

- (2) Khoản vay theo Hợp số 001-17/HĐTG -TPHN ngày 28/12/2017, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/năm, thời hạn vay 24 tháng, gốc tự động tái tục.

+ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:

- (3) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT106-TPHN ngày 09/01/2019; hạn mức tín dụng 8.000.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 05/01/2020; lãi suất vay thả nổi, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

- (4) Khoản vay theo hợp đồng 23-3/2016-HDDTDANHCT106-TPHN ngày 13/10/2016; hạn mức tín dụng là 900.000.000 đồng; mục đích vay để cải tạo nhà kho tại số 164-166 Tựu Liệt, quận Thanh Trì, Hà Nội, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ; năm được tính trên cơ sở 360 ngày.

+ Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

- (5) Khoản vay theo Hợp đồng số 1260LAV201800164 ngày 29/6/2018; hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng; lãi suất thả nổi và được quy định trong từng giấy nhận nợ theo cơ sở năm 360 ngày. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Toyota Corolla và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho thuê mặt bằng số 1062.2015/CCHBT-HDTMB ngày 17/7/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(6) Khoản vay theo hợp đồng số 160LAV201700266 ký ngày 23/11/2017; hạn mức tín dụng là 9.800.000.000 đồng; mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng dự án 'Cửa hàng thương mại dịch vụ Đồng Xuân'; thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo chính là tài sản hình thành trong tương lai thuộc công trình xây dựng Cửa hàng thương mại Đồng Xuân tại số 26 Cao Thắng, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm

(7) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 36/2019/HĐHM/IVBTL-TPHN ngày 23/04/2019; hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng; lãi suất thả nổi và được quy định trong từng giấy nhận nợ theo cơ sở 365 ngày, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 23/4/2020. Tài sản bảo đảm khoản vay là các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật tại địa chỉ số 57 Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Hà Nội được định giá tại ngày 23/04/2019 là 4.167.000.000 đồng

19. Phải trả khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	1.106.913.264	1.179.835.544
Kinh phí công đoàn	-	12.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.044.746.639	1.116.302.708
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	386.278.925	386.278.925
Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC	389.294.390	416.490.177
Tiền thù lao đại diện phần vốn	186.000.000	222.000.000
Các đối tượng khác	83.173.324	91.533.606
Dư có TK 1388	62.166.625	63.520.836
b) Dài hạn	1.768.700.000	1.416.050.000
Nhận ký quỹ ký cược	1.768.700.000	1.416.050.000
Cộng	1.768.700.000	1.416.050.000

20. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Đơn vị tính: VND				
Số dư tại ngày 01/01/2018	145.000.000.000	285.291.856	1.914.907.249	147.200.199.105
Lãi trong năm trước	-	-	3.658.744.488	3.658.744.488
Phân phối các quỹ	-	-	(98.085.554)	(98.085.554)
Chia cổ tức	-	-	(2.175.000.000)	(2.175.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2018	145.000.000.000	285.291.856	3.300.566.183	148.585.858.039
Lãi trong năm nay	-	-	2.589.839.127	2.589.839.127
Số dư tại ngày 31/12/2019	145.000.000.000	285.291.856	5.890.405.310	151.175.697.166

2022
ÔNG
H NHIỆP
TOÁN V
IẾT
GIẤY

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	145.000.000.000	145.000.000.000
Cộng	145.000.000.000	145.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	145.000.000.000	145.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.500.000	14.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	14.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	14.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

f) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2019	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2019
Quỹ đầu tư phát triển	540.000.000	-	-	540.000.000
Cộng	540.000.000	-	-	540.000.000

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	138.825.888.567	166.228.103.650
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.532.497.273	23.711.359.773
Cộng	163.358.385.840	189.939.463.423

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chiết khấu thương mại	7.742.233	50.439.384
Giảm giá hàng bán	4.378.987	-
Hàng bán bị trả lại	648.818	110.267.083
Cộng	12.770.038	160.706.467

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ, thành phẩm đã bán	124.676.383.548	150.173.751.500
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.887.572.646	2.305.714.392
Cộng	126.563.956.194	152.479.465.892

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.389.246.225	1.462.052.838
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.000.000	1.048.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	149.286
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	17.071.951	4.576.425
Cộng	1.454.318.176	2.514.778.549
5. Chi phí tài chính		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	891.802.937	1.251.125.443
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	83.118.322	105.604.302
Cộng	974.921.259	1.356.729.745
6. Thu nhập khác		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập khác	690.941.033	1.161.079.643
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	295.454.546
Cộng	690.941.033	1.456.534.189
7. Chi phí khác		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ, chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	203.096.948
Các khoản bị phạt	4.029.879	21.987.490
Các khoản khác	33.304.000	67.269.440
Cộng	37.333.879	292.353.878
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	15.457.401.577	16.720.246.618
Chi phí nhân viên	8.283.907.155	8.718.695.185
Chi phí vật liệu, bao bì	96.573.760	109.062.720
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.870.941	40.805.909
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.394.003.721	1.496.147.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.241.016.706	3.603.145.249
Chi phí bằng tiền khác	2.418.029.294	2.752.390.064

01012
CÔ
TRÁCH N
KIỂM T
VI
CHỦ GI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	19.185.129.719	18.528.783.795
Chi phí nhân viên quản lý	4.326.448.208	3.833.231.277
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.940.000	24.180.336
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.675.947.292	3.820.349.877
Thuế, phí và lệ phí	6.804.085.343	6.714.770.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.243.744.034	1.144.108.887
Chi phí bằng tiền khác	3.118.964.842	2.992.143.031

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.480.185.896	5.787.267.523
Chi phí nhân công	12.610.355.363	12.551.926.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.213.554.972	5.449.522.178
Thuế, phí và lệ phí	6.804.085.343	6.714.770.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.223.481.481	6.032.618.290
Chi phí khác bằng tiền	5.678.626.783	5.918.582.060
Cộng	43.010.289.838	42.454.686.900

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	3.272.132.383	4.372.489.766
Các khoản điều chỉnh tăng	187.333.897	244.236.625
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	<i>187.333.897</i>	<i>244.236.625</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	48.000.000	1.048.000.000
<i>Lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>48.000.000</i>	<i>1.048.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.411.466.280	3.568.726.391
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	682.293.256	713.745.278
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	682.293.256	713.745.278

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	34.037.523.137	109.928.291.108
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	33.416.276.217	120.522.569.798

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

(*) Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP

Cổ đông lớn

Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua

Công ty con

Công ty CP Thương mại Lãng Yên

Công ty con

Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm

Công ty liên kết

Công ty CP Ẩm thực Hà Nội

Công ty liên kết

Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro

Công ty liên kết

(*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng	1.071.375.508	1.357.620.296
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	11.284.599	18.345.751
Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	1.060.090.909	1.316.400.000
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	-	3.490.909
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	-	19.383.636
Mua hàng	151.859.640	113.320.000
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	151.859.640	113.320.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lãi cho vay phát sinh	1.290.173.613	1.290.173.613
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	811.111.113	811.111.113
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	479.062.500	479.062.500
Cổ tức được nhận	48.000.000	1.048.000.000
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	-	1.020.000.000
Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	48.000.000	28.000.000

(*) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	12.100.000.000	12.100.000.000
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	8.600.000.000	8.600.000.000
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	3.500.000.000
Các khoản thu khác về lãi cho vay	6.738.294.455	5.448.120.842
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	3.953.350.009	3.142.238.896
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	2.784.944.446	2.305.881.946
Các khoản phải trả trước cho người bán ngắn hạn	314.296.724	314.296.724
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	314.296.724	314.296.724
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	583.610.000	583.610.000
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	583.610.000	583.610.000
Các khoản phải trả khác ngắn hạn	386.278.925	386.278.925
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	386.278.925	386.278.925

(*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019
	VND
Lương của BGD	1.163.887.308
Thù lao của HĐQT	230.000.000
Cộng	1.393.887.308

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản vay	15.321.186.732	14.699.939.812
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.178.229.450	3.206.964.192
Nợ thuần	12.142.957.282	11.492.975.620
Vốn chủ sở hữu	151.715.697.166	149.125.858.039
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,08	0,08

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.178.229.450	3.206.964.192
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.768.996.378	15.916.822.138
Các khoản đầu tư tài chính	14.273.049.254	14.273.049.254
Cộng	35.220.275.082	33.396.835.584
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	15.321.186.732	14.699.939.812
Phải trả người bán và phải trả khác	10.801.891.298	10.461.137.492
Chi phí phải trả	88.901.584	93.888.781
Cộng	26.211.979.614	25.254.966.085

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	9.033.191.298	1.768.700.000	10.801.891.298
Chi phí phải trả	88.901.584	-	88.901.584
Các khoản vay	11.438.330.998	3.882.855.734	15.321.186.732
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	9.045.087.492	1.416.050.000	10.461.137.492
Chi phí phải trả	93.888.781	-	93.888.781
Các khoản vay	8.618.992.694	6.080.947.118	14.699.939.812

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.178.229.450	-	3.178.229.450
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.756.776.419	12.219.959	17.768.996.378
Các khoản đầu tư tài chính	13.100.000.000	1.173.049.254	14.273.049.254
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.206.964.192	-	3.206.964.192
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.847.878.550	68.943.588	15.916.822.138
Các khoản đầu tư tài chính	13.100.000.000	1.173.049.254	14.273.049.254

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty CP Thực phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Ngoài ra, một số số liệu so sánh khác của kỳ báo cáo trước đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản thanh tra thuế tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội lập ngày 31 tháng 07 năm 2019, các thông tin điều chỉnh cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘIĐịa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4.1. Số liệu trước điều chỉnh hồi tố và sau điều chỉnh hồi tố:**4.1.1. Năm 2015****a) Bảng cân đối kế toán:**

Chỉ tiêu	31/12/2015		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	257.191.124	(6.514.155)	250.676.969
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.861.898.459	36.322.372	2.898.220.831
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.394.590.935	(42.836.527)	5.351.754.408

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2015		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Chi phí khác	1.267.741.107	22.733.870	1.290.474.977
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.754.878.901	20.102.657	1.774.981.558
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.877.363.451	(42.836.527)	5.834.526.924

4.1.2. Năm 2016**a) Bảng cân đối kế toán:**

Chỉ tiêu	31/12/2016		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.813.704.039	244.175.669	2.057.879.708
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(10.145.176.478)	(244.175.669)	(10.389.352.147)

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2016		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Chi phí khác	694.966.739	201.339.142	896.305.881
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.145.176.478)	(201.339.142)	(10.346.515.620)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4.1.2. Năm 2017

a) Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	31/12/2017		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	896.028.701	358.178.305	1.254.207.006
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	2.273.085.554	(358.178.305)	1.914.907.249

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2017		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Chi phí khác	2.038.738.495	71.039.153	2.109.777.648
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	715.880.537	42.963.483	758.844.020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.418.262.032	(114.002.636)	12.304.259.396

4.1.2. Năm 2018

a) Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	31/12/2018		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	114.054.072	(114.054.072)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	975.260.979	277.482.132	1.252.743.111
Phải trả dài hạn khác	1.421.050.000	(5.000.000)	1.416.050.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.687.102.387	(386.536.204)	3.300.566.183

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2018		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Chi phí khác	276.229.514	16.124.364	292.353.878
Thu nhập khác	1.451.534.189	5.000.000	1.456.534.189
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	696.511.743	17.233.535	713.745.278
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.687.102.387	(28.357.899)	3.658.744.488

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4.2 Các thuyết minh về số liệu điều chỉnh hồi tố:

4.2.1 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh của năm 2015

Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán

1. Thuế GTGT được khấu trừ giảm 6.514.155 đồng do điều chỉnh tăng số thuế GTGT phải nộp 6.514.155 đồng.
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 36.322.372 đồng do điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp 20.102.657 đồng và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác tăng 16.219.715 đồng.
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 42.836.527 đồng do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố.

Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Chi phí khác tăng 22.733.870 đồng do ghi nhận tiền truy thu thuế GTGT, phạt vi phạm hành chính về khai sai, phạt chậm nộp thuế.
2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 20.102.657 đồng do ghi nhận tiền truy thu thuế TNDN.
3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 42.836.527 đồng do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên.

4.2.2 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh của năm 2016

Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 244.175.669 đồng do điều chỉnh tăng thuế GTGT phải nộp 114.147.080 đồng, thuế TNDN phải nộp 20.102.657, thuế TNCN phải nộp tăng 900.000 đồng và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác tăng 109.025.932 đồng.
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 244.175.669 đồng do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố.

Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Chi phí khác tăng 201.339.142 đồng do ghi nhận tiền truy thu thuế GTGT, thuế TNCN, phạt vi phạm hành chính về khai sai, phạt chậm nộp thuế.
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 201.339.142 đồng do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên.

4.2.3 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh của năm 2017

Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 358.178.305 đồng do điều chỉnh tăng thuế GTGT phải nộp 126.828.877 đồng, thuế TNDN phải nộp 63.066.140 đồng, thuế TNCN phải nộp tăng 3.450.001 đồng và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác tăng 164.833.287 đồng.
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 358.178.305 đồng do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố.

28-C.T
T.Y
HỮU HẠN
ĐỊNH GIÁ
AM
P. HA

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Chi phí khác tăng 71.039.153 đồng do ghi nhận tiền truy thu thuế GTGT, thuế TNCN, phạt vi phạm hành chính về khai sai, phạt chậm nộp thuế.
2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 42.963.483 đồng do ghi nhận tiền truy thu thuế TNDN.
3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 114.002.636 đồng do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên.

4.2.4 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh của năm 2018

Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán

1. Thuế GTGT được khấu trừ giảm 114.054.072 đồng do điều chỉnh tăng số thuế GTGT phải nộp 114.054.072 đồng.
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 277.482.132 đồng do điều chỉnh tăng thuế GTGT phải nộp 20.500.649 đồng, thuế TNDN phải nộp 80.299.675 đồng, thuế TNCN phải nộp tăng 4.700.001 đồng và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác tăng 171.981.807 đồng.
3. Phải trả dài hạn khác giảm do khoản tiền ký quỹ của khách hàng không phải hoàn trả, theo đó số tiền ký quỹ, ký cược giảm 5.000.000 đồng.
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 386.536.204 đồng do xác định lại kết quả kinh doanh qua ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh hồi tố.

Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Chi phí khác tăng 16.124.364 đồng do ghi nhận tiền truy thu thuế GTGT, thuế TNCN, phạt vi phạm hành chính về khai sai, phạt chậm nộp thuế.
2. Thu nhập khác tăng 5.000.000 đồng do ghi nhận thu nhập từ khoản tiền ký quỹ của khách hàng nhưng không phải trả.
3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 17.233.535 đồng do ghi nhận tiền truy thu thuế TNDN.
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 28.357.899 đồng do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thị Thúy

Nguyễn Kim Huyền



Ngô Đức Long